## [www.crazykims.vn](http://www.crazykims.vn)

## These are Martin’s grammar lessons. 10 out of 297 Martin has.

## When finished no. 10), Martin starts at 1) again

## .

## Grammar01: A noun names a person, place, thing, or idea.

***Một danh từ gọi tên một người, địa điểm, sự vật hoặc ý tưởng.***

## Grammar02: Count nouns, a noun that can form a plural. Add a S(Sierra) Đếm danh từ, một danh từ có thể tạo thành số nhiều.

## Grammar03: Possessive nouns are used to indicate ownership.

## Danh từ sở hữu được sử dụng để chỉ quyền sở hữu Add an apostrophe and S(Sierra)

## Grammar04: Pronoun takes the place of a noun.

***Đại từ Một đại từ thay thế cho một danh từ***

## Grammar05: 'Be' Verbs. A verb shows action or a state of being

***Động từ 'Be'. Một động từ cho thấy hành động hoặc một trạng thái.***

## Grammar06: Action verbs express action and are the most common verbs Động từ hành động thể hiện hành động và là những động từ phổ biến nhất.

## Grammar07: Adjectives describe or modify nouns. Tính từ mô tả hoặc sửa đổi danh từ

***Grammar08: Comparative and Superlative Adjectives  
Tính từ sTrạng từo sánh và so sánh nhất***

***Grammar09:*** ***Adverbs modify a verb, an adjective, or another adverb.***

***Trạng từ sửa đổi một động từ, tính từ hoặc trạng từ khác.***

***Grammar10:*** ***Tense of a verb tells you when the action happens.***

***Action verbs Động từ hành động***

***Action Hoạt động***

***Adjectives Tính từ***

***Adverb Trạng từ***

***Comparative So sánh***

***Count noun Danh từ đếm***

***Noun Danh từ***

***Ownership Quyền sở hữu***

***Plural Số nhiều***

***Possessive Sở hữu***

***Pronoun Đại từ***

***State of being Tình trạng***

***Superlative Siêu hạng***

***Tense Bẩn quá***

## A sentence has 3 basic parts:

1. A subject that does something to the object.  
   Một chủ đề làm một cái gì đó cho đối tượng.
2. A verb that tells what the subject wants to do.  
   Một động từ cho biết những gì chủ đề muốn làm.
3. An object that the subject will do something to or with.

Một đối tượng mà đối tượng sẽ làm một cái gì đó để hoặc với.

Action verbs need s(sierra) at the end with third-person, singular subjects.  
người thứ ba, số ít

* He eats bread.
* She walks to the station.
* It floats on the sea.

Negative sentences need do not, does not, or did not.

* I do not eat bread.
* He does not eat bread.
* You did not walk to the station.
* It does not float on the sea.

Interrogative sentences begin with do, does, or did.

* Do you eat bread?
* Does he eat bread?
* Does she walk to the station?
* Did they finish it?

Do not can be shortened to don't, does not to doesn't, and did not to didn't.

* I don't eat bread.
* She doesn't walk to the station.
* It doesn't float on the sea.
* They didn't finish it.

Remember the variations of action verbs:

**Affirmative Sentence** **Negative Sentence** **Interrogative Sentence**

I sing a song. I do not (don't). Do I?

You sing a song. You do not (don't). Do you sing?

He (she) sings a song. He (she) does not (doesn't). Does he (she)?

We sing a song. We do not (don't). Do we sing?

They sing a song. They did not (didn't). Did they?